

# HÔN NHÂN CỦA NHÓM RƠ NGAO (DÂN TỘC BA NA) Ở LÀNG KONG HNGO KLĂH, XÃ NGỌC BAY, THỊ XÃ KON TUM, TỈNH KON TUM: TRUYỀN THỐNG VÀ BIẾN ĐỔI

BÙI THỊ BÍCH LAN

Nhóm Rơ ngao (dân tộc Ba na) ở Việt Nam có khoảng hơn 7.500 người, cư trú tập trung ở tỉnh Kon Tum, trong đó, xã Pô Cô thuộc huyện Đắc Tô có 1.100 người, 9 xã thuộc thị xã Kon Tum có khoảng hơn 6.400 người.

Xã Ngọc Bay cách thị xã Kon Tum khoảng 6 km, trên đường đi huyện Sa Thầy, bao gồm 5 thôn với các dân tộc: Ba na (nhóm Rơ ngao), Xơ đăng (nhóm Hà Lãng) và Kinh, trong đó, Kon Hngo Klăh là một làng thuần của người Rơ ngao với 182 hộ và 1081 nhân khẩu.

Cho đến nay, những tài liệu chung về người Rơ ngao đã được công bố khá nhiều nhưng những chuyên khảo về lĩnh vực hôn nhân và gia đình của nhóm người này còn chưa được quan tâm, giới thiệu đầy đủ. Vấn đề này mới chỉ được đề cập sơ lược trong một vài công trình như: *Góp phần tìm hiểu về người Rơ ngao* (Đỗ Thuý Bình, 1978); *Kết hôn của người Rơ ngao (Alliances chez les Reungao)* (E. Kemlin, 1917) hay *Góp phần tìm hiểu xã hội Rơ ngao qua khảo sát làng xóm của họ* (Bùi Minh Đạo, 1979). Bài viết này xin được trình bày về một số đặc điểm truyền thống và biến đổi trong hôn nhân của nhóm Rơ ngao qua nghiên cứu trường hợp ở làng Kon Hngo Klăh, xã Ngọc Bay, thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

## 1. Các nguyên tắc trong hôn nhân

### 1.1. Ngoại hôn dòng họ

**Dòng họ (krung ktum):** Trong quan niệm của người Rơ ngao, dòng họ là tập hợp của một nhóm gia đình có quan hệ huyết thống với nhau, bao gồm các thành viên là con cháu của một ông bà tổ theo cả hai dòng nam và nữ còn nhớ được. Mỗi *krung ktum* đều có một người đàn ông cao tuổi đứng đầu và ông ta luôn là chủ lễ thực hiện

các lễ cúng của dòng họ, người Rơ ngao gọi là *tom krung ktum* hay *kan krung ktum*. Mỗi dòng họ bao gồm bên cha (*ktum bả*) và bên mẹ (*ktum mẹ*). Sự coi trọng của con cái với dòng họ bên bố và bên mẹ là như nhau.

**Ngoại hôn dòng họ:** Nguyên tắc ngoại hôn dòng họ ở người Rơ ngao thể hiện ở chỗ, phong tục quy định và khuyến khích người khác dòng họ kết hôn với nhau. Nếu xác định được là người trong cùng một *krung ktum* thì dù cách xa bao nhiêu đời cũng không được phép lấy nhau. Nhưng trong thực tế, do tính khép kín của làng và do tình trạng chiến tranh hay xảy ra giữa các làng trước đây, hôn nhân thường chỉ có điều kiện diễn ra giữa con trai con gái trong phạm vi làng, do đó, nguyên tắc này lại được chia ra hai cấp độ khác nhau.

Ở cấp độ thứ nhất, toàn bộ thành viên con trai, con gái thuộc họ gần (*krung ktum gel*), tức là con cháu trong vòng ba đời của một ông bà tổ, bao gồm cả con cô con cậu, con chú con bác, con dì con già, cháu cô cháu cậu, cháu chú cháu bác, cháu dì cháu già tuyệt đối không được có quan hệ tính giao và hôn nhân với nhau. Nếu như người Gia rai không có sự ngăn cấm kết hôn nghiêm ngặt giữa hai người cùng một dòng họ thuộc đời thứ ba, nhất là con cô con cậu, thì ở người Rơ ngao lại ngược lại. Người nào vi phạm cấm kỵ này sẽ bị kết tội loạn luân và xử phạt rất nặng theo luật tục. Vì thế, các chàng trai, cô gái khi đến tuổi yêu đương thường được bố mẹ dặn dò kỹ lưỡng để tránh rơi vào tình trạng này. Theo giải thích của người dân, việc ngăn cấm kết hôn trong phạm vi ba đời trong dòng họ ở người Rơ ngao xuất phát từ hai lý do. Thứ nhất là tránh cho nòi giống bị suy thoái, cụ thể ở đây là chết yếu, dị tật, ốm yếu. Thứ hai, đồng bào tin rằng người

cùng một họ lấy nhau là trái đạo đức, khiến thần linh nổi giận và sẽ gây ra các tai họa để trừng phạt con người như: cháy làng, dịch bệnh, mất mùa. Dòng họ nào để chuyện đó xảy ra, hai bên gia đình sẽ phải lo chung 3 con trâu, 3 con dê, 3 con gà và 3 ché rượu (trong đó, 1 trâu để cúng *yàng* tại nhà *rông*, 1 trâu cúng thần nước tại nguồn nước sinh hoạt của làng, 1 trâu còn lại để hai gia đình cúng giải hạn cho gia đình và cả dân làng tại nhà). Chủ làng gọi mời *yàng* về ăn uống bằng cách lấy một ít tiết của con vật hiến sinh hoà với rượu, rồi đổ vào trái bầu khô. Cô gái bị phạt cầm trái bầu còn chàng trai phạm tội cầm cành cây le, hai người đi tới từng nhà trong làng. Đến mỗi cửa nhà, chàng trai lại lấy cành cây le nhúng vào bát nước đó để quét lên chân cầu thang với ngụ ý xua đuổi mọi rủi ro, tai họa, mong *yàng* đừng bắt tội dân làng. Sau đó, hai người tiếp tục quay về nhà *rông*, lấy nước trong trái bầu quét lên trán của chủ làng và tất cả những người có mặt tại lễ cúng, lấy một miếng thịt nhúng tiếp vào trong trái bầu đó rồi vẩy quanh nhà *rông*. Trước sự chứng kiến của bà con dân làng, họ còn phải chui vào gấm sàn nhà, ăn vào máng lợn, kêu tiếng của con lợn. Sau buổi lễ này, tội lỗi của hai người sẽ được tha thứ và họ được phép lấy nhau.

Ở cấp độ thứ hai, trong trường hợp làng có qui mô nhỏ, đôi trai gái lại yêu thương nhau thực sự và thuộc quan hệ dòng họ xa (*krung ktum dē*), tức chung một ông bà nhưng đã từ đời thứ tư trở đi, thì có thể lấy được nhau, nhưng phong tục và dư luận không hẳn đồng tình.

### 1.2. Nội hôn trong nhóm tộc người

Bên cạnh nguyên tắc ngoại hôn dòng họ thì nội hôn trong nhóm tộc người cũng là một nguyên tắc quan trọng trong hôn nhân của người Rơ ngao. Mặc dù cư trú bên cạnh một số các nhóm của những dân tộc khác như Hà lãng, Cà dong,... và giữa họ cũng có những mối quan hệ diễn ra thường xuyên, nhưng trước đây, hôn nhân chủ yếu vẫn chỉ diễn ra trong nội bộ người Rơ

ngao với nhau, hôn nhân với tộc người khác có xảy ra nhưng không đáng kể, và thường là với các nhóm khác của dân tộc Ba na. Giải thích về việc này, người Rơ ngao cho biết, giữa họ với các nhóm Ba na có nhiều điểm tương đồng. Dù chung sống cận cư nhưng nàng dâu hay chàng rể một số tộc người khác thường khó hoà nhập với cuộc sống của người Rơ ngao bởi sự bất đồng về phong tục tập quán và ngôn ngữ.



Đàn ông người Cor thôn 2 xã Trà Kết huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam trong trang phục cổ truyền

Ảnh: Nguyễn Văn Sơn

Một điểm cũng thường thấy là, không chỉ khuyến khích nội hôn nhóm dân tộc, mà người Rơ ngao còn ưu tiên các thành viên trong cùng một làng lấy nhau.

### 1.3. Chế độ cư trú sau hôn nhân

Nếu như ở các dân tộc mẫu hệ hay phụ hệ, cư trú sau hôn nhân là cư trú bên vợ hoặc bên chồng được qui định rất rõ ràng, thì ở người Rơ ngao, cư trú sau hôn nhân theo hình thức luân phiên, đặc điểm này cũng giống các nhóm khác của Ba na và Xơ đăng. Theo đó, sau khi kết hôn, đôi vợ chồng trẻ sẽ cư trú ở cả hai bên, trước tiên sẽ ở bên nhà vợ sau đó chuyển sang bên nhà chồng,

thời gian cư trú mỗi bên như vậy kéo dài khoảng từ 2 đến 3 năm. Đến khi con cái đã lớn, gia đình có điều kiện thì mới tách ra ở riêng và không phải cư trú luân phiên nữa. Tuy nhiên, với những gia đình neo đơn thì đôi vợ chồng trẻ ở luôn bên đó để chăm sóc bố mẹ già, nhưng phải được sự chấp nhận của gia đình thông gia. Khi tách ra ở riêng, gia đình thường được anh em họ hàng giúp đỡ dựng nhà, bố mẹ hai bên cho một chút tài sản như rìu, rựa, tấm choàng, gùi, ché... Nếu gia đình khá giả thì cho thêm bộ công chiêng hoặc ít gia súc để làm vốn. Tuy nhiên, luật tục qui định con cái không có quyền đòi hỏi bố mẹ phải chia tài sản cho mình, mà con cái phải có nghĩa vụ chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ. Với hình thức cư trú này, theo GS. Phan Hữu Dật, *đây là dấu vết của sự chuyển tiếp từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền cũng như dấu vết của sự chuyển tiếp từ hôn nhân cư trú bên vợ sang hôn nhân cư trú bên chồng* (Phan Hữu Dật, 1997).

#### 1.4. Ly dị

Theo phỏng vấn hồi cố, xưa kia hiện tượng ly dị của người Rơ ngao nơi đây có diễn ra nhưng rất hiếm và thường chỉ xảy ra trong những trường hợp người chồng cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ con hoặc người vợ lười biếng, chửi mắng cha mẹ chồng. Nguyên nhân khác cũng thường dẫn đến ly dị là một trong hai người ngoại tình hoặc vô sinh. Khi xét xử, người gây ra những nguyên nhân dẫn đến phải ly dị bị phạt rất nặng, như: không được chia tài sản, không được nuôi con cái.

Khi một trong hai người muốn ly dị, họ đến nhà chủ làng tố cáo tội lỗi của người kia. Chủ làng sẽ mời Hội đồng già làng, cha mẹ hai bên, người làm chứng và cả đôi vợ chồng đó đến nhà *rông* để phân xử. Sau khi đã xem xét kỹ sự việc và cố gắng hoà giải nhưng vẫn không có kết quả, họ chấp nhận cho đôi vợ chồng ly dị. Con cái ở với ai là do chúng tự lựa chọn, tuy nhiên theo nghiên cứu của chúng tôi thì quyền nuôi con thường thuộc về người phụ nữ, cho dù bà ta là người có lỗi. Những tài sản riêng của mỗi người

(mang về khi cưới) thì của ai người ấy giữ. Những của cải chung có được sau hôn nhân thì được chia thành các phần bằng nhau, tất cả các thành viên trong nhà đều được chia phần như nhau, người nào nuôi nhiều con được nhận phần nhiều hơn.

#### 2. Một số hình thức hôn nhân đặc biệt

*Tục hôn nhân nối dòng - anh em chồng và chị em vợ:* Cũng giống như một số nhóm dân tộc khác, ở người Rơ ngao, khi vợ chết người chồng có thể lấy em gái của vợ, nhưng không được lấy chị gái của vợ. Tương tự, nếu chồng chết thì người vợ cũng có thể lấy em trai chồng, nhưng không được lấy anh trai chồng. Đồng bào cho rằng, chỉ người em trai của chồng hay em gái của vợ mới có thể thương yêu những đứa trẻ, bị mồ côi cha hoặc mẹ như con ruột của mình. Tuy nhiên, việc kết hôn này cũng phải dựa trên sự tự nguyện, nhận được sự đồng thuận của cả hai bên gia đình, nhất là phải tổ chức xong lễ bỏ mả cho người chồng hay vợ đã quá cố. Chẳng hạn, một người đàn ông sau khi đã làm lễ bỏ mả cho vợ và muốn lấy em gái của vợ, ông ta phải chuẩn bị một mâm cơm và mời các em gái của vợ đến để uống hỏi, nếu không ai đồng ý thì thôi. Trường hợp người phụ nữ cũng phải làm như vậy. Một số trường hợp người đàn ông hay đàn bà góa này đã có ý định lấy một người khác không phải là em trai của chồng hay em gái của vợ thì ông hay bà ta phải nộp phạt cho mỗi người mà họ có thể lấy theo luật tục một chiếc khăn (*pu kon*), và phải thực hiện đầy đủ các nghi thức hôn nhân của những người góa bụa dưới.

*Hôn nhân của những người góa:* Người Rơ ngao góa bụa, theo luật tục, phải đợi sau khi làm xong lễ bỏ mả cho người vợ hoặc người chồng đã chết của mình mới được phép tái hôn. Những người còn trẻ mà góa vợ hay góa chồng thường tiếp tục tái giá, rất ít người chịu cảnh đơn côi đến hết đời. Những phụ nữ góa chồng nhưng chưa có con và giàu có, việc tái hôn rất dễ dàng, thậm chí còn thuận lợi hơn cả những cô gái chưa chồng.

Trong trường hợp người chết chưa được 3 năm, nhưng người vợ hay chồng đã muốn tái hôn hoặc có quan hệ tính giao với người khác, người dân cho rằng, người này đã mắc tội với người đã chết, trái với luật tục, làm thần linh tức giận. Như vậy, gia đình, họ hàng của người đã chết có quyền bắt phạt người đó, thường là một con lợn và ba chén rượu để tiến hành lễ cúng để tạ lỗi với thần linh và người đã khuất, cầu mong tai họa không giáng xuống đầu dân làng.

*Tục đa thê:* Hôn nhân một vợ một chồng từ lâu đã được xác lập ở người Rơ ngao. Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh nhất định, người đàn ông có thể lấy nhiều vợ, nhưng phải được sự đồng ý của vợ cả (*hodri tola*). Trường hợp người vợ vô sinh hoặc ốm yếu bệnh tật, gia đình giàu có thì người chồng có thể lấy thêm vợ lẽ (*hodri goi*) để có người sinh con đẻ cái, cùng ông ta lo toan công việc gia đình. Mặc dù chế độ phụ quyền chưa rõ nét, nhưng chúng tôi không thấy hiện tượng đa phu ở người Rơ ngao.

Theo luật tục, trước khi cưới người vợ thứ hai, gia đình và dòng họ bên vợ cả có quyền đến bắt phạt người chồng một tài sản nhất định tùy theo điều kiện kinh tế và hoàn cảnh phải lấy thêm vợ, thường là một con trâu, hoặc một con lợn to và một chén rượu. Trước sự chứng kiến của chủ làng, người chồng phải nộp đủ số của cải này mới được tiến hành làm lễ cưới. Lễ cưới vợ hai diễn ra rất đơn giản, không ăn uống linh đình mà chỉ mời một số anh em họ hàng gần gũi tham dự. Sau đám cưới, cả ba người vẫn ngủ chung một phòng, mọi công việc trong nhà đều giao cho vợ hai lo liệu. Người vợ cả và phía gia đình của mình, sau khi đã nhận của bồi thường thì không được phép ghen tuông hay đối xử tệ bạc với người vợ lẽ, nếu không, người chồng có thể đi kiện và đòi lại số tài sản đó.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đa thê rất hoà thuận. Các bà vợ coi nhau như chị em, thường bảo ban, giúp đỡ nhau trong công việc nhà cũng như làm rẫy. Những đứa con sinh ra dù là con vợ cả hay vợ lẽ đều

được người cha và các bà mẹ đối xử bình đẳng, thương yêu như nhau.

### 3. Một số kiêng cử trong hôn nhân

Người Rơ ngao tin rằng, khi đã có một cặp kết hôn, thì các thành viên khác của cả hai nhà thông gia đều đã trở thành anh em của nhau, nếu kết hôn nữa sẽ phạm vào tội loạn luân. Bởi thế, hai nhà có nhiều cặp kết hôn nhân với nhau tuyệt đối bị ngăn cấm.

Người Rơ ngao nghiêm cấm các cuộc hôn nhân và tính giao mang tính loạn luân như: quan hệ hôn nhân giữa các thành viên dòng họ có huyết thống trong phạm vi 3 đời, tính giao giữa anh em ruột với nhau, giữa cha mẹ với con cái, giữa cô bác, chú dì với cháu,... Kẽ nào vi phạm điều cấm kỵ này sẽ bị làng phạt, ngoài nộp trâu, còn phải ăn vào máng lợn rồi đuổi ra khỏi làng.

Luật tục cho phép trai gái có thể ngủ với nhau nhưng không được phép có hành động tính giao. Thậm chí, những đôi vợ chồng sau khi cưới một năm sau ngày cưới mới được phép sinh con, nếu không sẽ bị phạt tội. Nếu hai người yêu nhau nhưng cô gái đã có thai thì theo luật lệ, hai bên gia đình phải cùng nộp phạt một con heo (*chur*), một con gà (*ir*), một chén rượu (*môi xêm todrô*), để làng tổ chức lễ cúng tạ tội, cầu mong không vì tội lỗi của hai người mà cả làng phải chịu tai họa. Lễ cúng được tổ chức tại nhà *rông*. Chủ làng lấy một miếng phổi gà nhúng vào tiết, quét lên miếng chén rượu, rồi bọc miếng phổi đó trong lá chuối đặt dưới chân cột phía bên trái của nhà *rông*. Sau khi đã nộp phạt và làm lễ cúng xong, nếu chàng trai từ chối lấy người con gái đó thì nhà gái có quyền phạt nhà trai một con lợn, một chén rượu và một tấm chăn đắp (*khăn*), coi đây là sự đền bù một phần cho danh dự của cô gái. Tuy nhiên, những cô gái này sau đó sẽ rất khó lấy chồng.

Mặc dù chuyện ngoại tình bị cấm nghiêm ngặt và chịu hình phạt rất nặng, nhưng vẫn có một số trường hợp xảy ra. Tùy vào từng hoàn cảnh phạm tội cụ thể, tục lệ có những quy định

bồi thường và xử phạt đối với những người phạm tội khác nhau. Nếu hai người đã có vợ có chồng mà ngoại tình, cho dù mới chỉ quan hệ lần đầu và chưa có con với nhau, thì người đàn ông phải bồi thường (*poxoru*) cho vợ mình một con trâu và tạ lỗi (*pokra*) một con lợn, một ché rượu. Người đàn bà ngoại tình cũng thực hiện đúng như vậy đối với chồng mình. Số tài sản nộp phạt này, không được phép lấy từ gia đình nên người bị phạt thường phải về nhờ bên gia đình và họ hàng của mình giúp đỡ. Gia đình tổ chức lễ cúng tại nhà bằng số tài sản này với mục đích cầu cho các thành viên trong gia đình và họ hàng không bị bệnh tật, ốm đau. Ngoài ra, hai người này còn phải lo chung một con lợn và một ché rượu để tạ lỗi với dân làng. Để cầu mong sự tha thứ của thần linh về việc làm tội lỗi của hai người gây ra, dân làng tổ chức lễ cúng *yàng* tại nhà *rông*. Trong lễ cúng, người có tội phải cầm miếng thịt gà quét lên miệng ché rượu và nói lời cầu xin *yàng* tha thứ.

Thông thường, những trường hợp mới vi phạm lần đầu và có sự hối cải thì người có lỗi được vợ hoặc chồng mình tha thứ. Nhưng nếu đã đi lại với nhau nhiều lần, nhất là đã có con và bỏ nhà đi với nhau thì dư luận khuyến khích và luật tục cho phép người vợ hoặc người chồng ly dị với những kẻ phụ tình.

#### 4. Một số nghi lễ chính trong đám cưới

Trước đây, tuổi kết hôn của con trai là từ 18 đến 20 tuổi và con gái từ 15 đến 17 tuổi. Nhìn chung, trai gái được chủ động tìm hiểu và lựa chọn bạn đời của mình. Tình yêu của nam nữ Rơ ngao thường trong sáng, thủy chung, ít có trường hợp vụ lợi hay bội ước. Các nghi lễ trong đám cưới của người Rơ ngao diễn ra đơn giản, bao gồm 2 bước chính là lễ hỏi và lễ cưới.

**Lễ hỏi (*hinh troong*):** Tục lệ không quy định rõ người con trai hay người con gái phải chủ động trong việc hôn lễ, bên nào có điều kiện tổ chức đám cưới thì nhờ người mới đánh tiếng. Sau thời gian tìm hiểu và đã quyết định đi đến hôn

nhân, một trong hai người sẽ tìm một ông mối (*pơ ngai mù troong*) để giúp việc tác thành cho họ. Ngay sau đó, lễ ăn hỏi sẽ được tổ chức. Đây là dịp để hai bên cha mẹ cùng các *mù troong* gặp nhau để bàn bạc cụ thể, chuẩn bị cho đám cưới của con cái. Trước khi đám cưới diễn ra, hai bên gia đình đều chuẩn bị nấu rượu, nuôi bò, lợn, gà,... cho đám cưới. Do chế độ cư trú luân phiên nên không có thủ tục thách cưới như ở một số dân tộc theo chế độ mẫu hệ và phụ hệ.

**Lễ cưới (*pơ koong*):** Đồng bào thường tiến hành lễ cưới vào dịp cuối năm, sau mùa thu hoạch. Đó là lúc nông nhàn, lúa đầy kho, trâu đầy chuồng, lợn gà đầy sân. Ngày cưới bao giờ cũng là ngày giữa tháng, ngày trăng tròn, tiếng Rơ ngao gọi là *khay lem*, ngày được coi là tốt nhất để tiến hành các công việc trọng đại. Trước hôm cưới vài ngày, cha mẹ hai bên đi mời bà con họ hàng, làng xóm đến dự chia vui cùng gia đình. Lễ cưới thường được tổ chức 2 lần ở cả nhà trai và nhà gái vào hai ngày khác nhau, mỗi lần cách nhau khoảng 10 ngày. Lễ cưới thường diễn ra ở nhà gái trước và được coi là lễ cưới chính, mọi nghi lễ liên quan đều được thực hiện trong dịp này; lần cưới tại nhà trai chỉ là đến ăn uống, vui chơi. Đám cưới được tổ chức to hay nhỏ tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mỗi gia đình. Cũng có trường hợp hai gia đình cùng đóng góp tổ chức đám cưới một lần cho đỡ tốn kém. Trong trường hợp này, mức độ đóng góp vật chất cho đám cưới của hai bên là như nhau. Mỗi bên thường chuẩn bị một con lợn lớn, vài con gà, vài ché rượu,... để mời dân làng ăn uống. Đám cưới cũng là ngày hội của cả làng. Buổi sáng, con trai khiêng nước đổ đầy những ché rượu; con gái giúp cô dâu gùi củi về nhà trai; đàn ông giết trâu, mổ lợn; phụ nữ giã gạo, nấu nướng. Mọi người khi tới dự đám cưới, nếu có điều kiện thì mang theo con gà, con chuột, con tắc kè, con cóc, con nhái và rượu để chúc mừng. Tuy nhiên, nếu không có cũng vẫn có thể đến tham dự và không bị trách móc.

Buổi chiều, tại nhà *rông*, hôn lễ chính thức được tiến hành. Khi mọi người đã có mặt đông đủ, để làm lễ công nhận vợ chồng (*pò coong*), ông mới đặt lễ vật ra giữa nhà, gồm một ché rượu, một con gà với bộ gan luộc chín và một đĩa tiết sống để cúng *yàng*. Ông nói: "*Hỡi các vị thần! hãy về chứng kiến cho đôi trẻ kết nghĩa vợ chồng, hãy cho chúng sức khoẻ dồi dào, thóc lúa đầy nhà, con cái đầy đàn,...*". Các *mù troong* gọi cô dâu (*mọ mai*), chú rể (*ty oong*) ra ngồi cạnh nhau và dặn dò hai người về trách nhiệm làm vợ làm chồng. Hai người được uống nước rượu đầu tiên trong ché cúng *yàng*, họ vừa uống vừa trao cần cho nhau rồi ông mới đưa cho mỗi người một nắm cơm (*chờ mon mô*) có giã lẫn thịt gà, ở giữa là một dây hạt cườm (*anam*). Hai người trao cho nhau nắm cơm và rút dây cườm ra. Nếu dây cườm của ai dính nhiều cơm hoặc xoắn lại, điều đó chứng tỏ người đó sẽ không chung thủy; ngược lại, nếu dây thẳng và cơm dính không nhiều là dấu hiệu tốt lành. Sau đó, hai người tay này cầm dây hạt cườm, tay kia cầm nắm cơm để ăn, họ phải ăn cho bằng hết và không được để rơi hạt nào mới là tốt. Cô dâu chú rể trao dây hạt cườm cho mẹ chồng, mẹ vợ của mình, rồi lấy một nắm cơm to đi mời bạn bè. Người ta quây quần quanh những ché rượu cần. Thức ăn được bày vào những chiếc lá *kơ pang* đặt trong những tấm phen hay những chiếc nong to. Trong lễ cưới, hai bên thông gia cùng ăn chung một cái đùi gà, cái còn lại dành cho các ông mối. Cùng lúc đó, các *mù troong* mời mọi người lần lượt đến uống ché rượu cúng *yàng* và nói lời chúc phúc cho đôi tân hôn. Buổi tối hôm đó, đôi vợ chồng trẻ ăn với nhau bữa cơm đầu tiên, kiêng ăn nóng và cay, vì đồng bào quan niệm, ăn những loại thức ăn đó thì vợ chồng sau này sẽ hay cãi giạ nhau. Sau đó, các *mù troong* trải một chiếc chiếu ở phòng ngủ của đôi tân hôn rồi mời hai người ra nằm, lấy chân của người nọ đắp cho người kia rồi lại vò hai chân vào với nhau, với mong muốn sau này họ sẽ có một cuộc sống hoà hợp không bị chia lìa. Thủ tục này chỉ diễn ra trong vài phút, rồi hai người đứng dậy và

đi nơi khác, họ vẫn chưa được ngủ với nhau đêm đó.

## 5. Những biến đổi trong hôn nhân hiện nay

Do tác động của những điều kiện mới, như chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò của các đoàn thể và của đạo Công giáo, hiện nay, hôn nhân của người Rơ ngao làng Kon Hngô Klăh vừa bảo lưu những nét truyền thống, vừa có những biến đổi khá rõ nét.

Tuổi kết hôn hiện nay đã tăng lên, tuy nhiên, tình trạng tảo hôn vẫn còn khá cao (43% ở nữ và 36% ở nam) do người dân chưa ý thức được Luật hôn nhân và gia đình.

Quyền tự quyết trong hôn nhân của con cái đã được cải thiện. Trước đây, việc tự do yêu đương tìm hiểu bạn đời được gia đình và dòng họ cho phép, nhưng để đến được hôn nhân con cái vẫn phải phụ thuộc vào quyết định của cha mẹ. Ngày nay, do ảnh hưởng của quá trình tuyên truyền, giáo dục của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể nên tình trạng cha mẹ là người quyết định thay con cái đã giảm bớt. Trong phần lớn các cuộc hôn nhân gần đây, cha mẹ chỉ khuyên nhủ và góp ý chứ không ép buộc con cái. Tuy nhiên, việc theo đạo hay không theo đạo cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc kết hôn của giới trẻ hiện nay. Thực tế cũng không hiếm trường hợp hai người yêu nhau nhưng không thể tiến tới hôn nhân vì một trong hai người không theo đạo. Quyền chủ động trong cưới xin và hôn nhân có xu hướng nghiêng dần về phía nhà trai.

Qui tắc nội tộc hôn cũng đã thay đổi. Do sự giao lưu tiếp xúc với các tộc người ngày càng tăng lên, trình độ dân trí được cải thiện rõ rệt, cùng với chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng các hình thức hôn nhân giữa các dòng họ trong nội bộ tộc người và hôn nhân hỗn hợp với các tộc người khác trong vùng và khác vùng, đã được người Rơ ngao lựa chọn, nhưng tỷ lệ hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc chưa cao. Hiện tượng hôn nhân giữa các thành viên từ đời thứ tư trở đi trong dòng họ đã giảm đi đáng kể.

Chế độ cư trú sau hôn nhân cũng dần thay đổi, có xu hướng không thực hiện qui tắc cư trú luân phiên, hiện tượng cư trú bên nhà chồng sau khi cưới ở người Rơ ngao ngày càng trở nên phổ biến.

Qui tắc hôn nhân nối dòng đang bị xã hội, nhất là thanh niên phản đối. Do điều kiện sống ngày càng được cải thiện, do tác động của các chính sách xã hội, do trình độ dân trí, điều kiện giao lưu tiếp xúc giữa các dân tộc ngày càng tăng lên cùng với sự xuất hiện các giáo lý và lời khuyên của đạo Công giáo, nhận thức của người Rơ ngao về các trường hợp hôn nhân đặc biệt tồn tại lâu đời đã dần thay đổi cho phù hợp với đời sống mới. Tình trạng hôn nhân với em trai của chồng khi chồng chết và với em gái của vợ khi vợ qua đời có xu hướng giảm đi nhanh chóng so với trước đây. Những cuộc hôn nhân như vậy luôn bị thanh niên trong làng phản đối gay gắt. Bên cạnh đó, tình trạng ngoại tình, ly hôn, đa thê,... hầu như không còn thấy diễn ra.

Nghi thức trong đám cưới hiện nay thường diễn ra đơn giản, ít các thủ tục rườm rà, nhất là trường hợp cả hai vợ chồng đều là tín đồ Công giáo. Về mặt nghi lễ, người dân vẫn tiến hành hôn nhân theo hai bước là lễ hỏi và lễ cưới như trước đây, nhưng một số nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng truyền thống đã bị cắt bỏ. Trong các bước của hôn nhân, vai trò của các ông mối ngày càng mờ nhạt. Tục ăn cơm nắm, trao dây cườm,... đã không còn được thực hiện thường xuyên. Tình trạng ăn uống linh đình, uống nhiều rượu trong đám cưới đã được hạn chế nhiều so với trước. Giáo lý đạo Công giáo khuyên các tín đồ không nên uống rượu. Hôn lễ được diễn ra tại nhà thờ với sự chứng kiến của cha cố, anh em họ hàng và dân làng. Cha cố làm lễ cầu nguyện cho đôi tân hôn và hai người phải thề trước Chúa sẽ chung thủy, thương yêu nhau đến trọn đời. Sau khi làm lễ tại nhà thờ, gia đình chỉ chuẩn bị vài mâm cỗ mời anh em họ hàng ruột thịt đến tham dự. Không còn thấy trường hợp giết gia súc và

gia cầm để tổ chức ăn uống kéo dài nhiều ngày như trước nữa.

Bên cạnh tác động của đạo Công giáo, việc tổ chức cưới xin của người Rơ ngao nơi đây cũng đang phần nào chịu ảnh hưởng của người Kinh. Một số biểu hiện cụ thể như: trong ngày cưới, phần lớn các cô dâu chú rể thường mặc quần áo và áo sơ mi trắng, gia đình khá giả thì chú rể đã mặc comple, cô dâu mặc váy dài theo kiểu người Kinh; các món ăn trong đám cưới cũng được chế biến theo cách của người Kinh; trong đám cưới, những người đến dự cũng mang theo tiền để mừng cho gia chủ và đôi tân hôn.

Như vậy, trong những năm gần đây, do tác động của các điều kiện mới, hôn nhân truyền thống của người Rơ ngao làng Kon Hngô Klăh đã có nhiều biến đổi. Tuổi kết hôn đã được nâng lên, nam nữ được tự do lựa chọn bạn đời, tục hôn nhân nối dòng và đa thê không còn phổ biến.... Tuy nhiên, tình trạng tảo hôn vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Do ảnh hưởng của giao lưu văn hoá và đạo Công giáo nhiều nghi lễ cưới xin phản ánh bản sắc văn hoá truyền thống đang dần bị mai một. Bởi thế, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hôn nhân gia đình và bản sắc văn hoá truyền thống cho người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ cần được quan tâm hơn nữa.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Thuý Bình - Nguyễn Văn Huy - La Công Ý (1978). *Góp phần tìm hiểu về người Rơ ngao*, Tạp chí Dân tộc học, số 1.
2. Bùi Minh Đạo (1979). *Góp phần tìm hiểu xã hội Rơ ngao qua khảo sát làng xóm của họ*, Thông báo Dân tộc học.
3. E. Kemlin (1917). *Alljances chez les Reungao* (Kết hôn của người Rơ ngao), BEFEO N 4.17.
4. P. Guilleminet (1952). *Bộ lạc Bahnar ở Kon Tum*, BEFEO (Tài liệu dịch lưu tại thư viện Viện Dân tộc học, Ký hiệu Tld 64 và Tld 65).